

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 Đinh Vũ, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28134
	Giờ..... Ngày 13 tháng 8 năm 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH SOÁT XÉT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2012



STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2	Kết quả công tác soát xét	5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 7, ngày 18 tháng 07 năm 2011. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty : Số 189 Đinh Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty : 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hàng hóa biển dương; Vận tải hàng hóa ven biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ liên quan khác đến vận tải, bao gồm: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ móc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh, vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;
Các thành viên của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày	Ngày
			bổ nhiệm	miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Đình Chung	Chủ tịch	20/04/2008	20/04/2013
2	Ông Lê Thái Cường	Ủy viên	20/04/2008	20/04/2013
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên	10/04/2010	20/04/2013
4	Bà Vũ Thị Phú	Ủy viên	20/04/2008	20/04/2013
5	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Ủy viên	18/08/2011	20/04/2013

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Đình Chung	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Bùi Chí Hùng	Thành viên
3	Bà Trần Thị Thùy Dương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Đình Chung- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tài chính tiếp theo.

Các sự kiện trong năm tài chính

Thay đổi chính sách kế toán đối với khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính (đầu tư vào Công ty con). Theo đó, khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính được ghi nhận theo Thông báo cổ tức căn cứ vào tình hình Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

<Nguồn: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2012/NQ-HĐQT ngày 25/04/2012>

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)



Handwritten signature in blue ink.

NGUYỄN ĐÌNH CHUNG



Số: 286 /2012/CPA-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 19/07/2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được trình bày từ trang 10 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp nhận) và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên

Tổng Giám đốc



Lê Văn Dò

NGUYỄN NGỌC BÌNH

Chứng chỉ KTV số: 0231 /KTV

Chứng chỉ KTV số: 0132 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.241.991.045	35.058.813.918
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.243.524.890	696.462.048
1. Tiền	111	V.01	1.243.524.890	696.462.048
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	15.720.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	15.720.000.000
III. Các khoản phải thu	130		26.296.628.014	13.370.894.774
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	3.096.279.510	2.611.907.292
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	170.000.000	3.835.499.048
3. Các khoản phải thu khác	138	V.05	23.030.348.504	6.923.488.434
IV. Hàng tồn kho	140		7.378.984.872	62.120.045
1. Hàng tồn kho	141	V.06	7.378.984.872	62.120.045
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.322.853.269	5.209.337.051
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	154	V.07	615.898.590	
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.706.954.679	5.209.337.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.483.479.880	133.246.475.526
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.331.628.571	11.060.606.708
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	10.331.628.571	11.060.606.708
- Nguyên giá	222		14.020.613.124	14.020.613.124
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.688.984.553)	(2.960.006.416)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		122.095.120.074	122.095.120.074
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	122.095.120.074	122.095.120.074
V. Tài sản dài hạn khác	260		56.731.235	90.748.744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	56.731.235	90.748.744
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		175.725.470.925	168.305.289.444

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.335.252.906	13.179.472.757
I. Nợ ngắn hạn	310		9.809.252.906	10.855.109.121
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11		5.450.410.645
2. Phải trả người bán	312	V.12	1.366.838.681	2.613.924.828
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	679.386.353	797.386.353
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	137.755.617	60.398.327
5. Phải trả công nhân viên	315		94.887.075	124.948.887
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	7.100.547.077	1.766.660.688
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		429.838.103	41.379.393
II. Nợ dài hạn	320		1.526.000.000	2.324.363.636
1. Phải trả dài hạn khác	323			415.363.636
2. Vay và nợ dài hạn	324	V.16	1.526.000.000	1.909.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.390.218.019	155.125.816.687
I. Vốn chủ sở hữu	410		164.390.218.019	155.125.816.687
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	128.700.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.615.359.500	9.615.359.500
3. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(982.776.400)	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		177.909.956	177.909.956
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		26.879.724.963	16.632.547.231
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		175.725.470.925	168.305.289.444

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc




Nguyễn Đình Chung

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	10.370.289.419	17.201.004.779
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		10.370.289.419	17.201.004.779
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	8.433.311.164	14.970.309.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		1.936.978.255	2.230.695.432
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	21.701.727.509	9.042.406.180
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	292.874.057	636.141.067
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		291.519.771	627.517.058
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.269.456.049	1.607.701.004
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.076.375.658	9.029.259.541
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.076.375.658	9.029.259.541
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	96.475.242	153.848.914
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.979.900.416	8.875.410.627

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Chung

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	10.692.830.229	19.082.972.745
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(15.018.822.941)	(4.789.568.948)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(491.739.117)	(1.077.563.190)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(180.414.239)	(605.403.559)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.262.702)	(237.362.807)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	70.285.229.620	86.309.460.288
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(58.249.957.018)	(96.247.540.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.024.863.832	2.434.994.249
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(23.127.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.549.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.735.361.764	8.365.003.503
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.735.361.764	(18.207.123.769)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	34.880.837.500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(982.776.400)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.299.945.722	4.936.177.627
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.133.356.367)	(12.643.688.406)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.396.975.709)	(11.382.161.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.213.162.754)	15.791.164.921
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	547.062.842	19.035.401
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	696.462.048	716.749.337
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.243.524.890	735.784.738

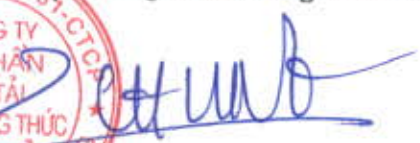
Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Chung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 7, ngày 18 tháng 07 năm 2011. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Danh sách cổ đông:

STT	Tên	Vốn đăng ký (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp đến 30/06/2012 (VND)	Tỷ lệ thực góp (%)
1	Ông Nguyễn Đình Chung	54.036.490.000	53,60	64.644.230.000	50,2
2	Bà Lưu Thị Khiêm	614.580.000	0,61	614.580.000	0,5
3	Ông Lê Thái Cường	4.839.980.000	4,80	4.839.980.000	3,8
4	Ông Bùi Chí Hùng	3.838.410.000	3,81	3.838.410.000	3,0
5	Bà Phạm Lệ Thu	1.658.240.000	1,65	1.147.140.000	0,9
6	Bà Bùi Thị Thu	1.372.190.000	1,36	1.372.190.000	1,1
7	Bà Trần Thị Kim Hồng	2.072.800.000	2,06	2.140.100.000	1,7
8	Bà Vũ Thị Phú	1.036.400.000	1,03	1.036.400.000	0,8
9	Ông Nguyễn Văn Đào	952.450.000	0,94	952.450.000	0,7
10	Các cổ đông khác	30.378.460.000	30,14	48.114.520.000	37,4
Cộng		100.800.000.000	100,00	128.700.000.000	100,0

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hàng hóa biển dương; Vận tải hàng hóa ven biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ liên quan khác đến vận tải, bao gồm: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ moóc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh, vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên Sở tại giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Công ty con sau :

Danh sách các công ty con	Tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99,68%	Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, thủ tục thông quan.
2. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	99,68%	Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.
3. Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	99,35%	Kinh doanh vận tải, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.
4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	99,00%	Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.
5. Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	100,00%	Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.
6. Công ty TNHH Container Minh Thành	75,83%	Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.
7. Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	100,00%	Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Các sự kiện trong năm tài chính

Thay đổi chính sách kế toán đối với khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính (đầu tư vào Công ty con). Theo đó, khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính được ghi nhận theo Thông báo cổ tức căn cứ vào tình hình Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

<Nguồn: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2012/NQ-HĐQT ngày 25/04/2012>

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc được phân loại là tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 là 25%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

13. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính:

Theo thông tư 210, Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản ch vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ phải trả người bán và các khoản phải trả khác, vay và nợ vay.

Giá trị sau khi ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng nếu và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
ĐVT: đồng		
Tiền mặt	857.598.266	379.828.082
Tiền gửi ngân hàng	385.926.624	316.633.966
Cộng	1.243.524.890	696.462.048
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác		15.720.000.000
Cộng	-	15.720.000.000
03. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Liên doanh đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	31.411.382	270.784.595
Chi nhánh Công ty CP Đại lý vtai SAFI tại Hải Phòng	8.408.225	7.837.258
Công ty CP vận tải á Châu	-	3.225.585
Công ty TNHH KMTC (Việt nam) - CN Hải Phòng	229.790	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận & PP Phương Đông	100.974.430	93.586.665
Công ty TNHH giao nhận Biển Đông - CN Hải Phòng	10.677.920	5.223.900
Chi nhánh Công ty TNHH SANKYU Việt Nam	30.612.765	17.308.831
CN Công ty TNHH MTV GN Gấu Trúc Toàn Cầu	24.036.100	24.501.224
CN Công ty CP phát triển Hàng Hải tại HP	224.000	-
Công ty TNHH thương mại Hàng Hải Quốc tế	72.226.237	63.158.458
Công ty TNHH Mitsui Oskline Việt Nam	94.642.186	43.835.556
Công ty TNHH Bình Viên	-	935.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Trường Giang	23.395.680	29.436.352
Công ty TNHH Giao nhận hàng hải Toàn Cầu	7.803.160	-
CN Công ty TNHH Hubline VN tại Hải Phòng	-	29.525.708
Công ty TNHH Giao nhận VT Cargonet VN	65.281.920	57.579.654
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	227.040.000	450.990.494
Công ty CP đại lý Hàng Hải VN -Đại lý hàng hải HP	28.208.565	34.973.791
Công ty CP KDCBLS xuất khẩu Yên Bái	96.298.000	110.050.800
Chi nhánh Công ty TNHH thương mại dịch vụ Uy tín	23.178.540	74.784.270
Công ty TNHH HAPAG - LLOYD Việt Nam	89.560.735	22.351.288
Công ty TNHH THI Group Việt Nam	36.736.656	6.724.168
Công ty Liên doanh PIL Việt Nam	63.700.730	43.470.515
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải HUB Việt Nam	40.130.418	41.494.155
Công ty TNHH Hội An	33.283.720	38.937.469
KUKDONG MES LTD	5.986.214	-
CN Công ty TNHH MTV VT Tranvan Links VN tại HP	22.612.590	-
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	47.602.800	8.086.876
CN công ty CP ĐL Hàng Hải - DV HH Phương Đông	83.602.190	12.412.706
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	929.645.989	764.979.989
CN Công ty TNHH MTV Dòng nước vàng tại HP	271.960	13.667.047

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Wanhai lines	1.097.985	17.600.667
Công ty CP PTCN gỗ XK Nam Việt Hoàng	198.000.000	-
Công ty TNHH DV và VT Thế Giới Chính Phương	84.673.890	41.757.390
Công ty TNHH Cơ khí Kinh Bắc	90.400.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	997.506	-
Công ty TNHH TM và tiếp vận toàn cầu Đông Tài	97.040.800	35.442.648
Công ty CP chế biến lâm sản Hoàng Lâm Yên Bái	32.400.000	24.300.000
Công ty CP ứng dụng Công nghệ Thiên Phú	28.590.500	28.590.500
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Jardine	14.351.120	-
Công ty TNHH Giải pháp tiếp vận DTK - CN HP	10.531.488	-
Công ty TNHH Heung A Shipping VN tại HP	21.986.920	-
Công ty TNHH Công nghệ Sấy Gỗ Việt Nam	-	18.684.223
CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng	129.566.347	82.430.012
Công ty TNHH MTV Seshin Việt Nam 2	33.217.662	3.751.000
Công ty TNHH Seshin Việt Nam	26.241.514	7.478.999
Công ty CP TM Hoàng Tiến Phát	-	6.380.000
Công ty TNHH Xúc tiến ĐT và TM Quốc tế ITIP	42.816.422	7.987.790
Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng	86.584.454	67.641.709
Cộng	3.096.279.510	2.611.907.292
04. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp dự án Lạch Huyện	110.000.000	110.000.000
CN công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Thiên Long	-	3.365.520.995
CN công ty CP chứng khoán Sài Gòn tại Hà nội	-	60.000.000
Ông Dò (Cty Kiểm toán & Kế toán Hà Nội)	60.000.000	60.000.000
Khách lẻ	-	239.978.053
Cộng	170.000.000	3.835.499.048
05. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	719.528.789	-
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	3.539.622.105	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	8.162.130.843	5.273.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.139.956.027	-
Phải thu khác của cán bộ nhân viên	637.601.072	798.835.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội	8.549.541.770	584.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện - Chi nhánh Hải Phòng	-	41.415.477
Công ty liên doanh đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	44.935.229	-
Phải thu khác của cán bộ nhân viên	237.032.669	226.237.957
Cộng	23.030.348.504	6.923.488.434
06. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho	7.378.984.872	62.120.045

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	<u>Cộng</u>	<u>7.378.984.872</u>	<u>62.120.045</u>
07. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Thuế GTGT được khấu trừ</i>		615.898.590	-
	<u>Cộng</u>	<u>615.898.590</u>	<u>-</u>
08. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình <Phụ lục 01>			
09 Các khoản đầu tư vào Công ty con		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải		14.503.099.339	14.503.099.339
- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải		32.867.444.563	32.867.444.563
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		45.655.576.172	45.655.576.172
- Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội		2.520.000.000	2.520.000.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành		25.550.000.000	25.550.000.000
- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải		999.000.000	999.000.000
	<u>Cộng</u>	<u>122.095.120.074</u>	<u>122.095.120.074</u>
10. Chi phí trả trước dài hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ		56.731.235	90.748.744
	<u>Cộng</u>	<u>56.731.235</u>	<u>90.748.744</u>
11. Vay và nợ ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn			
<i>a. Ngân hàng</i>		-	707.410.645
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương- CN Hải Phòng		-	707.410.645
<i>b. Đối tượng khác</i>		-	4.743.000.000
Lưu Thị Khiên		-	257.000.000
Nguyễn Đức Hải		-	3.776.000.000
Đinh Ngọc Phương		-	500.000.000
Nguyễn Thị Kim Loan		-	100.000.000
Nguyễn Kim Phương		-	110.000.000
	<u>Cộng</u>	<u>-</u>	<u>5.450.410.645</u>
12. Phải trả người bán		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải		29.383.750	50.200.000
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải		224.959.801	734.096.491
Công ty TNHH SITC Việt Nam		6.571.280	11.715.972
CN Công ty CP Hàng Hải Macs		11.617.809	7.572.960
CN Công ty TNHH Giao nhận vận tải Q tế Trường Giang		19.940.550	19.940.550
Công ty TNHH Heung A VN tại Hải Phòng		39.090.004	2.926.375
CN Cty TNHH MTV Vận tải Hàng Hoá Đường sắt HP		30.387.500	-

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-	34.490.000
Công ty Cổ Phần Văn Hoá Truyền Thông Thăng Long	1.540.000	1.540.000
Công ty TNHH Giao Nhận Vtài và Thương Mại S.N.M	110.000	110.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	5.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ	49.500.000	-
Công ty TNHH KMTC VN-CN Hải Phòng	6.374.720	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	325.378.741
Công ty CP tư vấn tài chính và Đầu tư Việt Nam	53.900.000	-
Công ty CP Vận tải Mặt Trời Bắc Việt Nam	1.118.260	-
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	887.345.007	1.425.953.739
Cộng	1.366.838.681	2.613.924.828
13. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	657.000.000	775.000.000
CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng	22.386.353	22.386.353
Cộng	679.386.353	797.386.353
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.534.690	53.322.150
Thuế khác	-	2.559.084
Thuế thu nhập cá nhân	220.927	4.034.622
Thuế GTGT đầu ra	-	482.471
Cộng	137.755.617	60.398.327
15. Các khoản phải trả phải nộp khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thu hộ trả hộ (Thuế TNCN & BHXH)	-	34.869.318
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	-	744.420
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	-	22.612.031
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	-	11.512.867
Phải trả phải nộp khác	5.891.457.957	1.296.884.526
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	-	14.471.262
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	4.284.136.151	611.055.423
Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	-	2.668.200
Đặt cọc của Lái xe	-	129.611.958
Thuế TNCN 5% của Hoạt động đầu tư vốn	-	2.863.973
Công ty TNHH SX & TM Hòa Hưng	5.689.383	5.689.383
Nguyễn Trà Giang (C)	-	510.000.000
Lãi cổ tức của cổ đông chưa lấy	1.500.186.297	-
Phải trả phải nộp khác	101.446.126	20.524.327
Doanh thu chưa thực hiện	1.209.089.120	434.906.844
Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng	295.849.206	295.849.206
Công ty CP Greeting Fortune Container Việt Nam	10.000.000	-

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trích quỹ hoa hồng khách hàng	600.363.802	92.705.092
Trích quỹ phát triển nhân lực	302.876.112	46.352.546
Cộng	7.100.547.077	1.766.660.688
16. Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN- CN Đông HP (*)	1.526.000.000	1.909.000.000
Cộng	1.526.000.000	1.909.000.000

(*). Theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 66/2009/HĐTD ngày 02/10/2009 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng và Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>

b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	80.585.480.000	71.579.280.000
Vốn góp của CBCNV	5.218.600.000	32.551.360.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	42.895.920.000	24.569.360.000
Cộng	128.700.000.000	128.700.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.870.000	12.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.770.000	12.870.000
Cổ phiếu phổ thông	12.770.000	12.870.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.000	-
Cổ phiếu phổ thông	100.000	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.770.000	12.870.000
Cổ phiếu phổ thông	12.770.000	12.870.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/ cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ theo bộ phận:</i>		
+ Doanh thu Shipline	1.053.647.800	5.477.290.243
+ Doanh thu khai thác CFS	2.908.746.277	3.811.069.497
+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	4.261.097.772	5.911.037.908
+ Doanh thu vận tải	2.146.797.570	2.001.607.131
Cộng	10.370.289.419	17.201.004.779
19. Giá vốn		
- <i>Giá vốn theo bộ phận</i>		
+ Giá vốn Shipline	982.632.718	4.494.666.338
+ Giá vốn khai thác CFS	2.836.984.454	3.443.142.754
+ Giá vốn thương mại	2.895.604.021	5.428.868.990
+ Giá vốn vận tải	1.718.089.971	1.603.631.265
Cộng	8.433.311.164	14.970.309.347
20. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.243.052	78.825.210
- Lợi nhuận được chia	21.690.474.690	8.413.863.884
- Chênh lệch tỷ giá	9.767	71.508.945
- Doanh thu HĐTC khác	-	478.208.141
Cộng	21.701.727.509	9.042.406.180
21. Chi phí hoạt động tài chính		
- Chênh lệch tỷ giá	1.354.286	8.624.009
- Chi phí lãi vay	291.519.771	627.517.058
Cộng	292.874.057	636.141.067
22. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.076.375.658	9.029.259.541
2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	21.690.474.690	8.413.863.884

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế

4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	385.900.968	615.395.657
5. Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=4*5)	96.475.242	153.848.914

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	530.708.678	1.092.222.752
Chi phí khấu hao TSCĐ	682.516.255	682.516.218
Chi phí Dịch vụ mua ngoài	7.220.086.231	13.195.570.377
Cộng	8.433.311.164	14.970.309.347

24. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải HN	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT
9	Ông Nguyễn Đình Chung	CT HĐQT kiêm TGĐ

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ, bao gồm;

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (đồng)
TT Doanh thu		
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Cho thuê xe nâng 45 tấn	893.731.587
2 Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu điện thoại	25.617.562
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Cho thuê xe đầu kéo, v/c	1.742.928.539
4 Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Cước vận tải, cước biển.	423.913.169
5 Công ty TNHH thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	Bán mỹ phẩm.	572.091.636
6 Công Ty TNHH Container Minh Thành	DT ĐT, gửi xe	15.697.677
7 Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải HN	Doanh thu điện thoại	4.393.441
Cộng		3.678.373.611

TT Giá vốn

Số tiền (đồng)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Chi phí thuê kho bãi, cước nâng hạ, cước vận chuyển xuất tàu	3.142.138.737
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Chi phí thuê kho bãi. Chi phí sửa chữa conts. Chi phí thuê văn phòng.	1.077.810.907
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Chi phí vận chuyển	799.329.319
4	Công Ty TNHH Container Minh Thành	Chi phí cước nâng hạ. Cước vận chuyển. Chi phí thuê văn phòng	728.995.453
Cộng			5.748.274.416

Đầu tư ngắn hạn khác		Số tiền (đồng)
	Công ty TNHH Container Minh Thành	Thu hồi khoản cho vay
		15.720.000.000

Số dư giao dịch với các bên liên quan

- Các khoản phải thu		Tại ngày 30/06/2012
Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải HN	Công nợ	997.506
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ	47.602.800
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ	227.040.000
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công nợ	929.645.989

- Các khoản phải thu khác		Tại ngày 30/06/2012
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ	8.162.130.843
Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải HN	Công nợ	8.549.541.770
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ	719.528.789
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công nợ	3.539.622.105
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công nợ	1.139.956.027
Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công nợ	637.601.072

- Phải trả người bán		Tại ngày 30/06/2012
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ	887.345.007
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công nợ	224.959.801
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ	29.383.750

- Người mua trả tiền trước		Tại ngày 30/06/2012
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ	657.000.000

- Các khoản phải trả khác		Tại ngày 30/06/2012
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ	4.284.136.151

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
--	--	----------------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thù lao

106.673.006

25. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem Mục 16, phần Thuyết minh).

26. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính)

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Đơn vị tính: đồng	
	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.243.524.890	696.462.048
Đầu tư ngắn hạn khác	-	15.720.000.000
Phải thu khách hàng	3.096.279.510	2.611.907.292
Phải thu khác	23.030.348.504	6.923.488.434
Cộng	27.370.152.904	25.951.857.774
	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Vay và nợ ngắn hạn	-	5.450.410.645
Phải trả người bán	1.366.838.681	2.613.924.828
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.100.547.077	1.766.660.688
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	-	415.363.636
Vay và nợ dài hạn	1.526.000.000	1.909.000.000
Cộng	9.993.385.758	12.155.359.797

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII Thông tin khác

1. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - TDK.

2. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

3. Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Chung

Phụ lục 01:

TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm			13.847.373.207	173.239.917	14.020.613.124
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác			-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối kỳ		-	13.847.373.207	173.239.917	14.020.613.124
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			2.897.237.527	62.768.889	2.960.006.416
- Khấu hao trong kỳ			682.516.255	46.461.882	728.978.137
- Tăng khác		-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác			-	-	-
Số dư cuối kỳ		-	3.579.753.782	109.230.771	3.688.984.553
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm		-	10.950.135.680	110.471.028	11.060.606.708
- Tại ngày cuối kỳ		-	10.267.619.425	64.009.146	10.331.628.571

Phụ lục 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	100.795.330.000	2.727.192.000	115.274.635	-	14.032.959.358	117.670.755.993
Tăng vốn trong năm trước	27.904.670.000					27.904.670.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	14.278.783.216	14.278.783.216
Tăng khác	-	6.888.167.500	62.635.321	-	-	6.950.802.821
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	11.679.195.343	11.679.195.343
						-
2. Số dư cuối năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500	177.909.956	-	16.632.547.231	155.125.816.687
3. Số dư đầu năm nay	128.700.000.000	9.615.359.500	177.909.956	-	16.632.547.231	155.125.816.687
Tăng vốn trong kỳ này	-	-				-
Lãi trong kỳ	-	-			21.979.900.416	21.979.900.416
Tăng khác	-	-			-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-			-	-
Lỗ trong kỳ	-	-			-	-
Giảm khác	-	-		982.776.400	11.732.722.684	12.715.499.084
					-	-
4. Số dư cuối kỳ	128.700.000.000	9.615.359.500	177.909.956	(982.776.400)	26.879.724.963	164.390.218.019

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)